

Bản án số: 04/2018/KDTM-ST
Ngày: 14-5-2018
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.
2. Bà Trần Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST – KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST – KDTM ngày 21/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2018/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn keo tổng hợp Đ.

Trụ sở: 172 – 174 Nguyễn Hồng Đào, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến L, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 172 - 174 Nguyễn Hồng Đào, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có mặt).

Là người đại diện theo ủy quyền của công ty. (Theo văn bản ủy quyền lập vào ngày 18/4/2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn keo tổng hợp Đ).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn N.

Trụ sở: A7/17N Trần Đại Nghĩa, ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quang K, sinh năm: 1965

Địa chỉ: A7/17N Trần Đại Nghĩa, ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt).

Là người đại diện theo pháp luật của công ty (Giám đốc của Công ty trách nhiệm hữu hạn N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn keo tổng hợp Đ trình bày:

Ngày 18/3/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn N (nay gọi là Công ty N) gửi đơn đặt hàng số 01-18/03/2016 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn keo tổng hợp Đ (nay gọi là Công ty Đ) về việc mua keo GRECO các loại bao gồm: 1000kg keo GRECO 6602E; 60kg keo GRECO 367S, 150kg keo GRECO 320NT5; 180kg keo GRECO 001AB. Tổng khối lượng keo là 1.390kg với giá trị đơn hàng 170.896.000 đồng.

Ngày 23/3/2016, Công ty Đ tiếp tục giao cho Công ty N lô hàng keo GRECO các loại bao gồm: 1000kg keo GRECO 6602E; 240kg keo GRECO 320NT5; 216kg keo GRECO 001AB. Tổng khối lượng keo là 1.456kg với giá trị đơn hàng 152.627.200 đồng.

Các lô hàng trên đều được Công ty Đ giao đến nhà kho của Công ty N tại địa chỉ: A7/17N Trần Đại Nghĩa, ấp 1, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31/12/2016, Công ty N ký bảng xác nhận công nợ và cam kết trả nợ tiền hàng là: 323.523.200 đồng. Nhưng từ khi ký cam kết cho đến nay, Công ty N vẫn chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Công ty Đ.

Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng nên Công ty Đ khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty N thanh toán cho Công ty Đ số tiền là 352.640.288 đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn hai trăm tám mươi tám đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 323.523.200 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng) và tiền lãi phát sinh do chậm trả tạm tính từ ngày 23/4/2017 đến ngày 23/4/2018 với mức lãi suất chậm trả bằng 9% với số tiền là 29.117.088 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười bảy ngàn không trăm tám mươi tám đồng). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty N thanh toán số tiền là 352.640.288 đồng cho Công ty Đ. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty N có ông Nguyễn Quang K là người đại diện theo pháp luật của công ty, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi hòa giải và tại các phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đương sự đã chấp hành quy định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

[3] Nguyên đơn Công ty Đ khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty N thanh toán tiền mua hàng nên đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Do bị đơn Công ty N có trụ sở tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được qui định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] *Về tố tụng:*

[6] Bị đơn Công ty N có ông Nguyễn Quang K là người đại diện theo pháp luật của công ty đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty N.

[7] *Về yêu cầu của đương sự:*

[8] Nguyên đơn Công ty Đ yêu cầu bị đơn Công ty N thanh toán số tiền là 352.640.288 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 323.523.200 và tiền lãi phát sinh do chậm trả tạm tính từ ngày 23/4/2017 đến ngày 23/4/2018 là 29.117.088 đồng. Yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] *Về hình thức hợp đồng:*

[11] Theo phiếu xuất kho số 3403 ngày 21/3/2016 và Phiếu xuất kho số 3461 ngày 23/3/2016 thể hiện việc Công ty N đặt mua keo GRECO của Công ty Đ.

[12] Tại Khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại quy định về hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa như sau:

“1. Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.”

[13] Xét, mặc dù Công ty Đ và Công ty N không ký kết với nhau hợp đồng mua bán keo GRECO nhưng các bên đã tiến hành giao nhận hàng hóa vào ngày 21/3/2016 và ngày 23/3/2016 theo Phiếu xuất kho số 3403 ngày 21/3/2016 và Phiếu xuất kho số 3461 ngày 23/3/2016 là phù hợp về hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại.

[14] *Về tiền nợ gốc:*

[15] Căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003403 ngày 21/3/2016 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003461 ngày 23/3/2016 thể hiện lô hàng keo GRECO có tổng giá trị là 323.523.200 đồng.

[16] Căn cứ Bảng xác nhận công nợ ngày 31/12/2016 giữa Công ty N (văn bản xác nhận có đóng dấu của Công ty N) và Công ty Đ thể hiện Công ty N xác nhận còn nợ Công

ty Đ số tiền mua hàng là 323.523.200 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng).

[17] Căn cứ phần trình bày của nguyên đơn và chứng cứ phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định từ ngày 31/12/2016 cho đến nay Công ty N vẫn chưa thanh toán số tiền hàng còn nợ là 323.523.200 đồng cho Công ty Đ. Như vậy, bị đơn Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Thương Mại.

[18] Do đó, căn cứ Khoản 5 Điều 297 Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ về việc buộc phía bị đơn Công ty N phải có trách nhiệm trả số tiền 323.523.200 đồng, là phù hợp.

[19] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh do chậm trả tạm tính từ ngày 23/4/2017 đến ngày 23/4/2018 với số tiền là 29.117.088 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười bảy ngàn không trăm tám mươi tám đồng), với mức lãi suất chậm trả là 9%/năm.

[20] Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau:

“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường....”.

[21] Xét, nguyên đơn tự nguyện mức lãi suất quá hạn trung bình là 9%/năm là thấp hơn lãi suất quy định của pháp luật, là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Cụ thể tiền lãi chậm trả từ ngày từ ngày 23/4/2017 đến ngày 23/4/2018 là (12 tháng x 323.523.200 đồng) x 9%/năm = 29.117.088 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười bảy ngàn không trăm tám mươi tám đồng).

[22] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ, buộc bị đơn Công ty N phải có trách nhiệm trả cho Công ty Đ là 352.640.288 đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn hai trăm tám mươi tám đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 323.523.200 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng) và tiền lãi là 29.117.088 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười bảy ngàn không trăm tám mươi tám đồng).

[23] Về thời hạn thanh toán : Kể từ khi ký Bảng xác nhận công nợ ngày 31/12/2016 cho đến nay, Công ty N vẫn chưa thanh toán số tiền hàng 323.523.200 đồng, như vậy là kéo dài thời gian thanh toán và ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ buộc bị đơn Công ty N phải trả số tiền 352.640.288 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 323.523.200 đồng và tiền lãi là 29.117.088 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[24] Xét, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn vẫn không có mặt, không đưa ra tài liệu chứng cứ gì bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định, thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[25] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ được chấp nhận nên bị đơn Công ty N phải chịu là 17.632.014 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn không trăm mười bốn đồng).

[26] Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty Đ số tiền 9.058.650 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0030669 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 50, Khoản 5 Điều 297 và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn keo tổng hợp Đ:

1.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn keo tổng hợp Đ là 352.640.288 đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn hai trăm tám mươi tám đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 323.523.200 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng) và tiền lãi là 29.117.088 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười bảy ngàn không trăm tám mươi tám đồng).

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn keo tổng hợp Đ theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn N chịu 17.632.014 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn không trăm mười bốn đồng).

3.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn keo tổng hợp Đ số tiền 9.058.650 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0030669 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn keo tổng hợp Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Công ty trách nhiệm hữu hạn N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS.HBC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hoàng Sơn